

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày: 29/9/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lãnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Đức Huỳnh.;

+ Ông Lê Minh Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn Huy; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Dũ Văn T, sinh ngày 12/9/2002 tại huyện H, tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Q; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dũ Văn T1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 18/5/2021. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa của bị cáo: Bà Lê Thị Thanh L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

- Bị hại: Bà Lý Thị T; Sinh năm 1941; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng P - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Xuân T; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Q; Vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Văn H; Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Q; Có mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh N; Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T,

huyện, tỉnh Q; Vắng mặt.

+ Ông Trương Hoàng V; Sinh năm: 2004; Địa chỉ: Nhút T, xã B, huyện H, tỉnh Q; Có mặt.

+ Bà Võ Thị H; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Q; Có mặt.

+ Ông Trần Văn Th; Sinh năm: 2004; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Q; Có mặt.

+ Bà Trần Thị Hà Th; Sinh năm: 2003; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Q; Có mặt.

+ Bà Hà Thị P; Sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/5/2021, Dũ Văn T đến ở lại tại nhà bà nội ruột Lý Thị T để đám tang anh họ. Đến khoảng 07h00 ngày 18/5/2021, thấy bà Lý Thị T đi khỏi nhà và có khóa cửa phòng ngủ của bà T, Dũ Văn T nảy sinh ý định vào phòng ngủ của bà Lý Thị T để lấy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đi vay tiền ngân hàng để trả nợ. Dũ Văn T đứng lên 01 ghế nhựa trong phòng ngủ kế bên phòng ngủ của bà T, rồi trèo tường vào phòng ngủ của bà T. Khi T vào phòng thì lục lọi thùng giấy để ở đuôi giường ngủ của bà T thì thấy 01 hủ nhựa trong suốt bên trong có 02 vỏ gói Phở Bò, trong đó có 01 vỏ gói phở đựng các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01 vỏ gói phở được buộc bằng dây su, bên trong có các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 hộp màu đỏ bên trong có 6,5 chỉ vàng 999. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản và đã lấy hết số tiền mệnh giá 500.000 đồng và tiền mệnh giá 200.000 đồng (*Thiện không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu*); 6,5 chỉ vàng 999, rồi trèo lên tường ra khỏi phòng ngủ của bà . Sau đó, T xin đi nhờ xe của bác ruột là ông Dũ Văn N (*sinh năm 1964, trú thôn N, xã T, huyện Hc*) đi đến thị trấn T, huyện H thì xuống xe. Dũ Văn T đi đến cửa hàng mua bán xe máy Thế Mẫn do chị Trần Thị Thanh N (*sinh năm 1977, trú tại khối phố A, thị trấn T, huyện H*) làm chủ hỏi mua một chiếc xe Yamaha hiệu Exceiter, nhưng do không có đủ tiền nên T mượn một xe mô tô (*không rõ biển kiểm soát*) đang gửi sửa tại đây đi đến hiệu vàng Hoa Công do chị Võ Thị H (*sinh năm 1968, trú tại khối phố A, thị trấn T, huyện H*) làm chủ bán 04 chỉ vàng trộm cắp được với số tiền là 20.200.000 đồng. Dũ Văn T quay lại cửa hàng mua bán xe máy Thế Mẫn mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter BKS: 92T1-043.28 với giá 28.000.000 đồng. T điều khiển chiếc xe vừa mua được đến tiệm điện thoại di động Xuân T do anh Nguyễn Xuân T (*sinh năm 1987, trú tại khối phố B, thị trấn T, huyện H*) làm

chủ mua 02 điện thoại di động Redm9c, màu đen và màu cam với giá 5.600.000 đồng.

Tiếp tục, T điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại Xuân Hải do anh Huỳnh Văn H (*sinh năm 1978, trú thôn V, xã B, huyện H*) làm chủ và nhờ anh H chuyển số tiền 2.800.000 đồng để trả nợ cho chị Hà Thị P (*sinh năm 2000, trú tại thôn A, xã B, huyện H*). T tiếp tục đi đến gặp anh Trần Văn Th (*sinh năm 2004, trú thôn A, xã B, huyện H*) nhờ Th trả nợ cho anh Trương Hoàng V (*sinh năm 2004, trú thôn N, xã B, huyện H*) số tiền 3.500.000 đồng. Sau đó Th đem tiền đến đưa V, trước đó V có nợ Th 100.000 đồng nên V trả cho Th số tiền 100.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter BKS: 92T1-043.28 đi đến nhà chị Trần Thị Hà Th (*sinh năm 2003, trú tại thôn N, xã B, huyện H; T và Th sống chung như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn*) rồi đưa cho chị Th 01 điện thoại di động hiệu Redm9c, màu cam và nhờ chị Th cất giữ 2,5 chỉ vàng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 21/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H xác định 6.5 chỉ vàng 999 trị giá là 33.150.000 đồng.

Như vậy, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 21.000.000 đồng và 6.5 chỉ vàng trị giá 33.150.000 đồng; tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 54.150.000 đ.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Dũ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Dũ Văn Th với mức án từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) quyết định theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo, bị cáo và người bị hại đã thống nhất thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản với số vàng 6.5 chỉ vàng 999, bà T đã nhận 04 chỉ vàng 999, còn 2.5 chỉ vàng 999 Công an huyện H đang tạm giữ trả cho bà T.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khắc phục toàn bộ thiệt hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ bỏ nhà đi, cha bị bệnh, gia đình thuộc hộ nghèo, vợ mới sinh con khoảng 04 tháng tuổi, bị cáo đã bị tạm giam hơn 04 tháng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo được hưởng án treo và bản thân bị cáo thuộc diện hộ nghèo đề nghị miễn toàn bộ án phí HS-ST theo NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Giữa người bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại là 6.5 chỉ vàng 999, người bị hại đã nhận 04 chỉ vàng 999, còn 2.5 chỉ vàng 999 Cơ quan điều tra đang tạm giữ trả lại cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 07 giờ ngày 18/5/2021, Dũ Văn T đã lén lút vào phòng ngủ của nhà bà Lý Thị T (bà nội ruột của bị cáo T) chiếm đoạt số tiền 21.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 999 định giá 33.150.000 đồng. Tổng cộng bị cáo T chiếm đoạt tài sản của bà Lý Thị T là 54.150.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Dũ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Q và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội đối với người già được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (*sửa đổi bổ sung năm 2017*).

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi một phần để trả cho người bị hại. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ tài sản trộm cắp cho bà Lý Thị T và bà Lý Thị T yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Mặc khác gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ ruột bỏ nhà đi, cha thì bệnh tật, vợ mới sinh con hơn 04 tháng tuổi, gia đình thuộc hộ nghèo được UBND xã T xác nhận. Bị cáo T đã bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến nay thời gian đã hơn 04 tháng cũng đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo.

Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xét giảm nhẹ một phần hình phạt và xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo. Bị cáo T có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) không trái với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 “*Hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo*” của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Giao bị cáo cho UBND xã T cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét nội dung bào chữa của bào chữa viên đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt của bà Lý Thị T số tiền 21.000.000 đồng và 6.5 chỉ vàng 999. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày Gia đình bị cáo và người bị hại đã thống nhất thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản với số vàng 6.5 chỉ vàng 999, bà T đã nhận 04 chỉ vàng 999, còn 2.5 chỉ vàng 999 Công an huyện H đang tạm giữ trả cho bà T. Còn lại số tiền 21.000.000 đ bà T cho bị cáo. Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bà T không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên của các bên không trái với pháp luật và đạo đức xã hội.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 2,5 chỉ vàng 999 là tài sản của bà Lý Thị T mà bị cáo T trộm cắp, hiện nay Cơ quan điều tra đang tạm giữ, bà T yêu cầu được nhận lại nên tuyên trả lại cho bà T.

- 01 túi ni lông màu đen loại có quai xách, kích thước (34,5x23,5)cm; 01 túi ni lông màu xanh loại có quai xách, kích thước (47x30)cm; 01 hủ nhựa trong suốt có nắp màu trắng, hình trụ tròn kích thước (13x7,5)cm; 01 vỏ gói Phở Bò kích thước (19,5x13,3)cm; 01 hộp nhựa màu đỏ kích thước (5x3)cm và 01 đầu lọc thuốc lá màu vàng, hình trụ tròn kích thước (2,6x0,8)cm. Đây là tài sản của bà Lý Thị T không có giá trị sử dụng, bà T không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Redm9c, màu cam có gắn ốp lưng bằng nhựa trong có sim số 0787.585.338; 01 điện thoại di động Redm9c, màu đen bên trong có sim số 0702.368.514 (*tất cả đã được niêm phong*); 01 chứng minh nhân dân mang tên Dũ Văn T; 01 xe mô tô hiệu Exciter BKS: 92T1-043.28 và 01 hợp đồng mua bán xe máy; 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Tấn V (*trú thôn Bền, xã S, huyện D*); số tiền 50.000 đồng tạm giữ của Trương Hoàng V, số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Văn Th và số tiền 1.163.000 đồng tạm giữ của Dũ Văn T; Bà T, anh V, anh Th không yêu cầu nhận lại và đề nghị giao cho bị cáo. Xét yêu cầu và đề nghị của bà T, anh Th, anh V là phù hợp, nên tuyên trả lại cho bị cáo Dũ Văn T.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 đoạn video trích xuất từ camera an ninh hiệu vàng Hoa Công sao lưu vào đĩa CD; trích xuất các tin nhắn trong hộp thư Messenger của chị Trần Thị Hà Th có nội dung trao đổi việc trả nợ với chị Hà Thị P và sao lưu vào 01 đĩa CD.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí HS-ST cho bị cáo..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm i, khoản 1, Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Tuyên bố bị cáo Dũ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Dũ Văn T 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2021).

Giao bị cáo Dũ Văn T cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Q và gia đình bị cáo phối hợp quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 túi ni lông màu đen loại có quai xách, kích thước (34.5x23.5)cm; 01 túi ni lông màu xanh loại có quai xách, kích thước (47x30)cm; 01 hủ nhựa trong suốt có nắp màu trắng, hình trụ tròn kích thước (13x7.5)cm; 01 vỏ gói Phở Bò kích thước (19.5x13.3)cm; 01 hộp nhựa màu đỏ kích thước (5x3)cm và 01 đầu lọc thuốc lá màu vàng, hình trụ tròn kích thước (2.6x0.8)cm.

- Trả lại cho Dũ Văn T 01 điện thoại di động Redm9c, màu cam có gắn ốp lưng bằng nhựa trong có sim số 0787.585.338; 01 điện thoại di động Redm9c, màu đen bên trong có sim số 0702.368.514; 01 chứng minh nhân dân mang tên Dũ Văn T; 01 xe mô tô hiệu Exciter BKS: 92T1-043.28 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Tấn V và 01 hợp đồng mua bán xe máy giữa Trần Thị Thanh N và Dũ Văn T ngày 18/5/2021.

(Hiện nay, những vật chứng này được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được lập ngày 07/9/2021).

- Trả lại cho bà Lý Thị T 2,5 chỉ vàng 999.

(Tài sản hiện được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện H theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 27/5/2021 giữa Công an huyện H và Kho bạc Nhà nước huyện H).

- Trả lại cho Dũ Văn T số tiền 50.000 đồng tạm giữ của Trương Hoàng V, số tiền 100.000 đồng tạm giữ của Trần Văn Th và số tiền 1.163.000 đồng tạm giữ của Dũ Văn T.

(Hiện nay, số tiền này đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9044075.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện H ngày 15/7/2021, ngày 14/6/2021, ngày 27/5/2021).

- Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 đoạn video trích xuất từ camera an ninh hiệu vàng Hoa Công sao lưu vào đĩa CD; trích xuất các tin nhắn trong hộp thư Messenger

của chị Trần Thị Hà Th có nội dung trao đổi việc trả nợ với chị Hà Thị Ph và sao lưu vào 01 đĩa CD.

Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí HS-ST cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2021.). Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Q;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Lãnh